

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN

TRẦN VĂN ĐÔNG*

Bài viết tập trung phân tích thực trạng pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam, từ đó, chỉ ra những hạn chế và bất cập trong hệ thống pháp lý hiện hành. Các vấn đề nổi bật, bao gồm: sự chưa đồng bộ giữa các văn bản pháp luật, những khoảng trống trong quy định về điều kiện kinh doanh và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp dịch vụ kế toán cũng như sự thiếu tương thích với thông lệ quốc tế. Trên cơ sở đó, bài viết cũng đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Dịch vụ kế toán; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán; pháp luật về doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán.

The article focuses on analyzing the current legal framework governing accounting service businesses in Vietnam, thereby identifying limitations and shortcomings in the existing legal system. Prominent issues include the lack of consistency across legal documents, regulatory gaps regarding business conditions and operational management of accounting service enterprises, as well as limited alignment with international practices. Based on this analysis, the article proposes several solutions to improve the legal framework for enterprises providing accounting services in Vietnam today.

Keywords: Accounting services; accounting service enterprises; legal framework for accounting service businesses.

NGÀY NHẬN: 26/02/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 28/6/2025

NGÀY DUYỆT: 16/7/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.354.2025.1227>

1. Đặt vấn đề

Dịch vụ kế toán được xem là một hoạt động đặc trưng của nền kinh tế thị trường, đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, không chỉ hỗ trợ các doanh nghiệp quản lý tài chính hiệu quả mà còn góp phần bảo đảm tính minh bạch và lành mạnh trong hoạt động kinh doanh. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của các loại hình dịch vụ tài chính, việc hoàn

thiện khung pháp lý điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán ở Việt Nam trở thành một yêu cầu cấp thiết. Luật Kế toán năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý cơ bản để quản lý và phát triển lĩnh vực này. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cho thấy vẫn tồn tại nhiều bất cập, như: thiếu sự đồng bộ, chưa đáp ứng kịp tốc độ phát triển

* NCS của Trường Đại học Luật, Đại học Huế

của thị trường và hội nhập quốc tế. Những hạn chế này không chỉ gây khó khăn cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán mà còn ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước và lòng tin của các bên liên quan. Vì vậy, nghiên cứu và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán ở Việt Nam là vấn đề cần thiết nhằm tạo nền tảng pháp lý vững chắc, thúc đẩy sự phát triển bền vững của lĩnh vực này trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng cạnh tranh và hội nhập sâu rộng.

2. Thực trạng pháp luật về doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán ở Việt Nam

Những năm qua, pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán ở Việt Nam đã từng bước được hoàn thiện, góp phần tạo ra khung pháp lý rõ ràng cho sự phát triển của lĩnh vực này. Cụ thể, *Luật Kế toán* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các văn bản hướng dẫn, như: Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của *Luật Kế toán* hay Thông tư số 297/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về cấp, quản lý và sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán đã đặt nền móng quan trọng trong việc quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán. Tuy nhiên, thực trạng áp dụng và hiệu quả của hệ thống pháp luật này vẫn còn nhiều vấn đề đáng bàn.

Pháp luật hiện nay đã có những bước tiến đáng kể trong việc điều chỉnh hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán. Trước hết, việc quy định rõ ràng các loại hình doanh nghiệp được phép kinh doanh dịch vụ kế toán (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh) đã giúp tạo môi trường pháp lý minh bạch, phù hợp với năng lực tổ chức và quy mô hoạt động. Các điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, bao gồm: yêu cầu về nhân sự, tài chính và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp; bảo đảm

cho các doanh nghiệp khi tham gia thị trường phải đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về chất lượng và trách nhiệm (Điều 60 *Luật Kế toán* năm 2019). Hồ sơ đề nghị và thời gian cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cũng đã được quy định tại Điều 61, 62 *Luật Kế toán* năm 2019.

Đặc biệt, việc mở cửa cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài thông qua hình thức góp vốn, thành lập chi nhánh hoặc cung cấp dịch vụ qua biên giới đã phản ánh sự hội nhập của Việt Nam vào thị trường dịch vụ kế toán quốc tế. Điều này không chỉ thúc đẩy cạnh tranh mà còn giúp nâng cao chất lượng dịch vụ kế toán trong nước; đồng thời, tạo cơ hội tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế.

Mặc dù đã có nhiều tiến bộ, pháp luật về doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam vẫn còn tồn tại những hạn chế sau:

Thứ nhất, một số quy định pháp luật còn bất cập.

(1) Nhà đầu tư chủ yếu lựa chọn loại hình doanh nghiệp chịu trách nhiệm hữu hạn, điều này có thể gây ra một số hệ lụy cho thị trường cũng như ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và bên thứ ba do công ty trách nhiệm hữu hạn chỉ chịu trách nhiệm trên phần vốn góp. Nguyên nhân là các nhà đầu tư và kế toán viên hành nghề có xu hướng lựa chọn thành lập doanh nghiệp kế toán theo loại hình doanh nghiệp có chế độ trách nhiệm hữu hạn để hạn chế rủi ro cho bản thân thay vì như định hướng là chế độ trách nhiệm vô hạn để giảm rủi ro cho khách hàng.

(2) Chưa có sự bình đẳng về mặt pháp lý khi kinh doanh dịch vụ kế toán đối với doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cũng do một cá nhân làm chủ. Tuy nhiên, xét trên góc độ pháp lý thì không có điểm khác biệt trọng yếu giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, do hai loại

hình doanh nghiệp này đều là loại hình doanh nghiệp mà nhà đầu tư (thành viên) góp vốn chịu trách nhiệm hữu hạn trên phần vốn điều lệ đã góp. Nếu doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu là hoàn toàn tương đồng về mặt pháp lý và về mặt trách nhiệm hữu hạn đối với các khoản nợ của công ty cũng như nghĩa vụ đối với khách hàng. Mặt khác, *Luật Kế toán* năm 2003 và *Luật Kế toán* năm 2015 đều cho phép thành lập doanh nghiệp tư nhân và hộ cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán.

(3) Pháp luật hiện nay chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ vốn góp của các thành viên góp vốn trong công ty hợp danh kinh doanh dịch vụ kế toán. *Luật Kế toán* năm 2015 chỉ đưa ra các quy định chung về loại hình công ty hợp danh mà không đi sâu vào các đặc thù của công ty hợp danh trong lĩnh vực này. Điều này có thể dẫn đến những vướng mắc trong thực tế, đặc biệt khi công ty hợp danh có thành viên góp vốn là tổ chức. Hiện tại, pháp luật chưa làm rõ liệu thành viên góp vốn là tổ chức có bị giới hạn tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ của công ty hay không, gây ra những khoảng trống pháp lý và khó khăn trong áp dụng. Mục đích của nhà làm luật là hạn chế các tổ chức nói chung và tổ chức nước ngoài kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam nói riêng đăng ký thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán có thành viên hợp danh góp vốn là tổ chức.

(4) Tỷ lệ góp vốn của kế toán viên hành nghề chưa phù hợp. Theo quy định, “công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải có ít nhất hai thành viên góp vốn là kế toán viên hành nghề chiếm tỷ lệ trên 50% vốn điều lệ của công ty” (khoản 1 Điều 60 *Luật Kế toán* và khoản 1 Điều 27 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP). Tuy nhiên, trên thực tế hầu hết các doanh nghiệp kế toán được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu

hạn, chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ của công ty trên số vốn đã góp. Như vậy, rủi ro cho thị trường, rủi ro cho khách hàng và bên thứ ba khi các doanh nghiệp kế toán là các công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với số vốn khiêm tốn vì doanh nghiệp kế toán không yêu cầu vốn pháp định nên nhà đầu tư đăng ký với mức vốn khiêm tốn để giảm rủi ro cho mình, rủi ro cho khách hàng, không có tiềm lực để đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin, đầu tư cho quy trình, nguồn nhân lực, từ đó ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng của dịch vụ kế toán.

Hai là, thủ tục cấp phép kinh doanh cho chi nhánh doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài tại Việt Nam còn rườm rà, phức tạp. Về thủ tục thành lập, phải thực hiện đăng ký tại Bộ Công Thương với thời hạn thực hiện trong khoảng 8 ngày làm việc. Bên cạnh đó, mặc dù quy định của pháp luật quy định rất rõ ràng về thời hạn nhưng thực tế thời gian này lâu hơn rất nhiều bởi nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có việc nộp hồ sơ của doanh nghiệp kế toán nước ngoài bằng bưu điện hoặc trực tiếp theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết *Luật Thương mại* năm 2019 về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam, dẫn đến quá trình giải quyết thủ tục hành chính theo phương thức văn bản chưa thể áp dụng thực hiện trao đổi thông tin theo hình thức điện tử.

Ba là, thời hạn cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán là khá dài. Để xem xét giấy chứng nhận, người đăng ký hành nghề phải chờ ít nhất một tháng, bao gồm cả thời gian phải giải trình nếu có để bắt đầu làm việc tại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán kể từ ngày nộp hồ sơ. Điều này đã gây khó khăn, chậm trễ đối với doanh nghiệp khi có yêu cầu.

Bốn là, trong bối cảnh công nghệ số và kế toán hiện đại phát triển nhanh chóng, pháp

luật hiện hành chưa có các quy định rõ ràng về các dịch vụ kế toán số, kế toán trực tuyến hay sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động kế toán, do đó, có thể gây ra khoảng trống pháp lý, làm giảm hiệu quả quản lý và giám sát.

Năm là, hạn chế trong việc quản lý doanh nghiệp nước ngoài. Dù pháp luật cho phép doanh nghiệp nước ngoài tham gia thị trường dịch vụ kế toán tại Việt Nam, tuy nhiên, cơ chế giám sát và bảo đảm sự tuân thủ các quy định pháp luật của họ còn lỏng lẻo, dẫn đến nguy cơ bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng như khó khăn trong việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng.

3. Một số giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán

Thứ nhất, hoàn thiện quy định pháp luật về điều kiện đăng ký thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán.

(1) Pháp luật về kế toán nên có quy định cho phép công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ được kinh doanh dịch vụ kế toán tương tự như doanh nghiệp tư nhân và hộ cá nhân kinh doanh để bảo đảm công bằng và phù hợp với thực tiễn. Khi đó, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ cần phải có tối thiểu 2 kế toán viên hành nghề và chủ sở hữu kiêm giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải là kế toán viên hành nghề để tương đồng với doanh nghiệp tư nhân và hộ cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán.

Nếu thực hiện chính sách cho phép doanh nghiệp kế toán dưới loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sẽ tạo thuận tiện cho nhiều cá nhân khởi nghiệp kinh doanh dưới loại hình này. Vì không cần phải có hai chứng chỉ hành nghề và không cần phải có thêm thành viên là kế toán viên hành nghề như quy định hiện nay nên sẽ gia tăng được số lượng doanh nghiệp dịch vụ kế toán tại Việt Nam trong giai đoạn tới, đồng thời đáp ứng được nhu cầu của thị trường

cũng như phù hợp với mô hình doanh nghiệp nhỏ hoạt động dịch vụ kế toán. Bên cạnh đó, chính sách này được thực hiện sẽ giảm được tình trạng cho thuê chứng chỉ hành nghề kế toán và hạn chế được các hệ lụy, rủi ro phát sinh từ các tranh chấp giữa các kế toán viên hành nghề và người cho thuê chứng chỉ hành nghề kế toán với tư cách là thành viên góp vốn giả tạo, như: các tranh chấp về quyền sở hữu, quyền quản lý và điều hành công ty... Ngoài ra, chính sách này có thể sẽ làm giảm bớt các hệ lụy cho nghề dịch vụ kế toán, nâng cao chất lượng hành nghề cũng như làm giảm các chi phí tuân thủ và đặc biệt là hạn chế rào cản gia nhập thị trường.

(2) Bổ sung theo hướng cho phép thành lập công ty hợp danh có thành viên góp vốn là tổ chức và cá nhân để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và phù hợp với thực tế. Đồng thời, nên quy định về tỷ lệ mức vốn góp nói chung của tổ chức không vượt quá 50% vốn điều lệ thay vì quy định tỷ lệ mức vốn của tổ chức là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên tại Điều 26 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP nhằm khuyến khích nguồn đầu tư tài chính, tạo điều kiện cho dịch vụ kế toán được tiếp cận và được đầu tư cơ sở vật chất tốt hơn.

(3) Bãi bỏ quy định kế toán viên hành nghề phải góp vốn tối thiểu trên 50% vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và cân nhắc xây dựng các quy định về bảo hiểm nghề nghiệp cũng như quản lý chất lượng hành nghề thông qua việc bắt buộc cập nhật kiến thức hành nghề hằng năm.

(4) Bổ sung điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán về bảo hiểm nghề nghiệp hoặc vốn pháp định và các quy định về quản lý chất lượng hành nghề thông qua bắt buộc cập nhật kiến thức hằng năm.

(5) Đối với chi nhánh doanh nghiệp kế toán nước ngoài tại Việt Nam, cần quy định cụ thể các trường hợp phải xin ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính để Bộ Công Thương

có cơ sở cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh doanh nghiệp kế toán tại Việt Nam được thuận tiện, nhanh gọn, đồng thời, góp quy định cấp phép chi nhánh với quy định cấp phép hành nghề vào thủ tục một cửa tại Bộ Công Thương trên cơ sở nộp hồ sơ và giải quyết hồ sơ bằng phương thức điện tử.

Thứ hai, hoàn thiện quy định về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.

Theo quy định về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán thì các tài liệu trong hồ sơ là khá rõ ràng, có mẫu biểu, việc cơ quan cấp phép phải mất đến 10 ngày làm việc để xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, phải mất 15 ngày làm việc để quyết định cấp giấy chứng nhận hay không là khá dài, nếu so sánh với các thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề ví dụ công chứng, luật sư. Do đó, nên rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, với thời gian xem xét tính hợp lệ của hồ sơ từ 3 - 5 ngày làm việc, thời gian cấp giấy chứng nhận từ 5 - 7 ngày làm việc.

Thứ ba, cập nhật và bổ sung quy định phù hợp với xu hướng công nghệ số; đồng thời, tăng cường quản lý, giám sát các doanh nghiệp kế toán nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Với sự phát triển của công nghệ số như hiện nay, Việt Nam cần bổ sung quy định pháp lý rõ ràng về các dịch vụ kế toán trực tuyến, kế toán trên nền tảng đám mây và việc ứng dụng AI trong kế toán. Điều này giúp tạo hành lang pháp lý để các doanh nghiệp trong và ngoài nước triển khai dịch vụ mới, đồng thời bảo đảm an toàn dữ liệu và tính minh bạch. Tiếp tục bổ sung các quy định về trách nhiệm bảo mật thông tin trong hoạt động kế toán trên môi trường số, đối với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán sử dụng công nghệ số, cần có các quy định chặt chẽ về bảo mật thông tin tài chính và dữ liệu của khách hàng để giảm thiểu rủi ro rò rỉ thông tin.

Ngoài ra, cần có các quy định chi tiết hơn về quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp kế toán nước ngoài khi hoạt động tại Việt Nam. Tiến hành nghiên cứu, điều chỉnh chính sách về hợp tác quốc tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kế toán trong nước hợp tác với doanh nghiệp nước ngoài; đồng thời, bảo đảm cơ chế quản lý chặt chẽ để ngăn ngừa tình trạng chuyển giá, cạnh tranh không lành mạnh hoặc vi phạm pháp luật.

4. Kết luận

Pháp luật về doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể, góp phần quan trọng vào việc quản lý và phát triển lĩnh vực này. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, nhiều hạn chế trong hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn tồn tại, đòi hỏi cần có các giải pháp để hoàn thiện. Việc hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán không chỉ giúp nâng cao chất lượng hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này mà còn góp phần quan trọng vào việc minh bạch hóa nền kinh tế, thúc đẩy hội nhập quốc tế. Các giải pháp cần được thực hiện đồng bộ, phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển để tạo điều kiện cho lĩnh vực dịch vụ kế toán phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tài chính (2016). *Thông tư 297/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 về cấp, quản lý và sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán.*
2. Chính phủ (2016). *Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán.*
3. Quốc hội (2020). *Luật Doanh nghiệp năm 2020.*
4. Quốc hội (2015, 2019). *Luật Kế toán năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).*
5. Quốc hội (2019). *Luật Thương mại năm 2019.*